

PHỤ LỤC SỐ 01
ĐIỀU CHỈNH BẢNG GIÁ ĐẤT SỐ 2 - GIÁ ĐẤT Ở TẠI KHU VỰC
VEN TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG QUỐC LỘ, TỈNH LỘ
(Kèm theo Quyết định số 35/2024/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2024 của
UBND tỉnh)

A. ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT
I. TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG QUỐC LỘ
2. Đường Quốc lộ 21
2.2. Đường Quốc lộ 21A

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

Stt	Tên huyện, xã	Tên khu vực, ranh giới khu vực giá	Giá đất
I	Huyện Bình Lục		
1	Xã Trung Lương	Đoạn từ Cầu Sắt đến hộ ông Trưởng thôn Đồng Quan (Tờ 23, thửa số 31).	5.600
		Đoạn từ Cầu Hộ đến hộ ông Trưởng thôn Đồng Quan (Tờ 23, thửa số 31)	6.370
2	Xã Đồn Xá	Đoạn từ giáp huyện Thanh Liêm đến thị trấn Bình Mỹ	4.500
II	Huyện Thanh Liêm		
1	Xã Liêm Cần	Đoạn từ giáp xã Liêm Tiết đến giáp xã Liêm Phong	5.000
2	Xã Liêm Phong	Đoạn từ giáp xã Liêm Cần đến giáp huyện Bình Lục	4.000

2.3. Đường Quốc lộ 21B

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

Stt	Tên huyện, xã	Tên khu vực, ranh giới khu vực giá	Giá đất
I	Huyện Kim Bảng		
3	Xã Tân Sơn	Đoạn từ đường rẽ đi xã Lê Hồ đến chùa Thụy Sơn	2.500

4. Đường Quốc lộ 37B (đường tỉnh lộ ĐT497 cũ)

Stt	Tên huyện, xã	Tên khu vực, ranh giới khu vực giá	Giá đất
-----	---------------	------------------------------------	---------

I Huyện Bình Lục (đường ĐT497 cũ)			
1	Xã Tràng An	Đoạn từ Dốc Mỹ chạy hết địa phận xã Tràng An.	2.500
2	Xã Đồn Xá	Đoạn từ giáp thị trấn Bình Mỹ (xã An Mỹ cũ) đến lối rẽ vào thôn Thanh Hòa (thôn Hòa Mục cũ)	2.500
		Đoạn từ lối rẽ vào thôn Thanh Hòa (thôn Hòa Mục cũ) đến giáp xã Trịnh Xá.	1.600
3	Xã La Sơn	Đoạn từ thị trấn Bình Mỹ (xã Mỹ Thọ cũ) đến giáp xã Tiêu Động <i>(Đối với các hộ nằm bên Tây đường QL.37B áp dụng vị trí 1 với những hộ đã làm sân bê tông qua máng nối trực tiếp ra đường còn lại áp dụng vị trí 2)</i>	2.500
4	Xã Tiêu Động	Đoạn từ giáp xã La Sơn đến đường trục thôn Đỗ Khả Xuân (cũ là thôn Đỗ Khê). <i>(Đối với các hộ nằm bên Tây đường QL37B áp dụng vị trí 1 với những hộ đã làm sân bê tông qua máng nối trực tiếp ra đường còn lại áp dụng vị trí 2)</i>	2.500
		Đoạn từ đường trục thôn Đỗ Khả Xuân (cũ là thôn Đỗ Khê) đến giáp xã An Lão. <i>(Đối với những hộ nằm bên Tây đường QL.37B áp dụng vị trí 1 với những hộ đã làm sân bê tông qua máng nối trực tiếp ra đường còn lại áp dụng vị trí 2)</i>	2.000
5	Xã An Lão	Đoạn từ đường vào Chùa Đô Hai đến Cây đa Dinh giáp hộ ông Quyền (Tờ 34, thửa 167).	2.700
		- Đoạn từ đường vào Chùa đến sông S20 - Đoạn từ cây đa Dinh giáp hộ ông Quyền (Tờ 34, thửa 167) đến đường bắc làng Vĩnh Tứ đi Mỹ Đô	1.500
		- Đoạn từ sông S20 Nam làng Thứ Nhất đến giáp xã Tiêu Động. - Đoạn từ Bắc làng Vĩnh Tứ đi Mỹ Đô đến cầu Vĩnh Tứ giáp xã Yên Lợi huyện Ý Yên	1.200

II. TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG TỈNH LỘ

1. Đường tỉnh lộ tại huyện Kim Bảng

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

Stt	Tên huyện, xã	Ranh giới khu vực giá	Giá đất
1	Đường ĐT494B		
1.1	Xã Thi Sơn	- Đoạn từ chợ Quyền Sơn đến đầu địa giới xã Thanh Sơn (thửa 122, tờ 7)	3.100

3. Đường tỉnh lộ tại huyện Bình Lục

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

Stt	Tên đường, tên xã	Ranh giới khu vực giá	Giá đất
1	Đường ĐT496		
1.1	Xã Tràng An	Đoạn từ Dốc Mỹ đến giáp xã Đồng Du	2.400
1.2	Xã Đồng Du	- Đoạn từ giáp xã Tràng An qua cầu An Bài đến hộ ông Nguyễn Văn Sở thôn Đội 1 (xóm Giếng Bóng cũ). - Đoạn từ hộ ông Ngô Kim Hải thôn Quyết Thắng (thôn Bình cũ) đến Cầu An Bài.	2.000
		Đoạn từ thửa giáp hộ ông Nguyễn Văn Sở thôn Đội 1 (xóm Giếng Bóng cũ) đến Dốc Bình cạnh hộ ông Ngô Kim Hải thôn Quyết Thắng (thôn Bình cũ).	1.300
1.3	Xã Hưng Công	Từ Trường Tiểu học Cỏ Viền thôn Đội 2 đến hộ ông Thuân thôn đội 3 (xóm 6 cũ) (thửa 151, tờ 14)	2.000
		- Đoạn từ Trường Tiểu học thôn Cỏ Viền đến Cầu An Bài giáp xã Đồng Du. - Đoạn từ hộ ông Thuân (Tờ 14, thửa 8) đến Trạm bơm xã Ngọc Lũ.	1.500
1.4	Xã Ngọc Lũ	Đoạn từ giáp xã Hưng Công đến hết hộ bà Dần thôn Đội 5 (Đội 11 cũ).	2.070
		Đoạn từ hộ ông Giảng thôn Đội 5 (Đội 11 cũ) đến hộ ông Mưu thôn Đội 6 (Đội 10 cũ)	1.800
		Đoạn từ hộ ông Nội thôn Đội 6 (Đội 10 cũ) đến giáp xã Bò Đề.	1.500
1.5	Xã Bò Đề	Đoạn từ hộ ông Đào Ngọc Nghị qua UBND xã, Trạm Đa khoa đến hộ ông Chu Văn Trường thôn 4.	2.000
		- Đoạn từ hộ ông Trần Trọng Bính đến giáp xã Ngọc Lũ. - Đoạn từ hộ ông Đào Ngọc Hộ đến hộ ông Trần Huy Hồng.	1.300

		Đoạn từ hộ ông Trương Đình Tuyên đến giáp xã An Ninh.	1.000
1.6	Xã An Ninh	Đoạn từ Nhà văn hoá thôn An Thuận (thôn 1 cũ) (PL9, thửa 166) đến hộ ông Chương thôn An Tâm (thôn 4 cũ) (PL11, thửa 01).	2.000
		- Đoạn tiếp giáp từ hộ ông Chương thôn An Tâm đến hộ ông Hưu thôn An Tiến (thôn 8 cũ). - Đoạn từ Nhà Văn hoá thôn An Thuận (thôn 1 cũ) đến giáp xã Bồ Đề	1.300
2	Đường ĐT491		
2.1	Xã Bình Nghĩa	Đoạn từ giáp thị trấn Vĩnh Trụ đến nhà hàng Liêm Minh	2.400
		Đoạn từ hộ ông Lào (Tờ 32, thửa 31) đến đường vào Cây Thánh giá Thôn 5 Cát Lại (hộ bà Hằng, tờ 28, thửa 267)	1.500
		Đoạn từ hộ ông Hồng (Tờ 31, thửa 232) đến giáp xã Tràng An	1.000
2.2	Xã Tràng An	Đoạn từ giáp xã Đình Xá đến giáp xã Bình Nghĩa	2.400
3	Đường ĐT496B		
3.1	Xã Trung Lương	Đoạn từ đường vào Chợ Họ đến hết xã Trung Lương	2.500
3.2	Xã An Nội	Đoạn từ giáp xã Trung Lương đến giáp xã Bồi Cầu	2.500
3.3	Xã Bồi Cầu	Đoạn từ giáp xã An Nội đến giáp xã Hưng Công	2.500
3.4	Xã Hưng Công	Đoạn từ giáp xã Bồi Cầu đến cầu Châu Giang	2.500
4	Đường Đê Hữu Sông Sắt	Từ Trạm bơm Đồng Du chạy đến hết địa phận xã An Lão (qua địa phận xã Đồng Du, Bồi Cầu, thị trấn Bình Mỹ (xã An Mỹ cũ), An Đỗ, Tiêu Động, An Lão).	610
5	Đường ĐT499		
5.1	Xã Tràng An	Đoạn từ giáp xã Đình Xá (thành phố Phủ Lý) đến giáp xã Bình Nghĩa	3.000
5.2	Xã Bình Nghĩa	Đoạn từ giáp xã Tràng An đến giáp xã Công Lý (huyện Lý Nhân)	3.000

B. BỔ SUNG GIÁ ĐẤT

II. TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG TỈNH LỘ

1. Đường tỉnh lộ tại huyện Kim Bảng*Đơn vị tính: 1.000đ/m²*

Stt	Tên đường, ranh giới khu vực giá	Giá đất
1	Đường ĐT494B	
	Xã Thi Sơn:	
1.1	- Đoạn từ đầu địa giới xã Thanh Sơn (thửa 122, tờ 7) đến hết địa phận xã Thi Sơn	1.700
	Xã Thanh Sơn	
1.2	- Đoạn từ địa phận xã Thi Sơn đến đường Lê Chân nhánh 1	1.700